TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2020/QĐST-DS	*Mỹ Tú, ngày 09 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Kim Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên họp: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2020/QĐST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Trần Văn T;

Địa chỉ cư trú: Số 89, ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Kim Điền P; địa chỉ cư trú: Ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 02 năm 2020). (có mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 17-02-2020 của người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Trần Văn T và tại phiên họp, người đại diện hợp pháp của người yêu cầu là ông Kim Điền P trình bày:

Anh Trần Văn T, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị Út T1, sinh năm 1995, tự nguyện đám cưới với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, được Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 23-4-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến khoảng năm 2016, vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

trong cuộc sống và chị Út T1 bỏ địa phương đi từ tháng 9-2017 cho đến nay. Sau khi chị Út T1 bỏ đi, anh T không liên lạc được và đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì về chị Út T1. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và anh T muốn xin ly hôn với chị Út T1, nhưng không biết chị đang ở đâu. Vì vậy, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự tuyên bố chị Út T1 mất tích để anh có căn cứ xin ly hôn với chị Út T1.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên họp:

Theo xác nhận của Công an xã H, huyện M vào ngày 17-02-2020 thì chị Út T1 bỏ nhà đi từ tháng 9-2017 đến nay. Anh T không liên lạc được, cũng không biết chị Út T1 đang ở đâu. Như vậy, từ khi chị Út T1 bỏ nhà đi cho đến nay đã biệt tích 02 năm liền trở lên nên anh T yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Út T1 mất tích là có căn cứ. Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của anh T, ra quyết định tuyên bố chị Út T1 mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Anh Trần Văn T, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị Út T1, sinh năm 1995, tự nguyện đám cưới với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 23-4-2013. Sau khi kết hốn, cả hai cùng cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống, anh T và chị Út T1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị Út T1 bỏ nhà đi từ tháng 9-2017 đến nay. Anh T không liên lạc được và đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì về chị Út T1. Do đó, anh T yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Út T1 mất tích. Sau khi thụ lý yêu cầu của anh T, Tòa án đã ra quyết định thông báo tìm kiếm chị Út T1. Thông báo này được đăng trên Báo Công lý và xã hội trong 03 số liên tiếp là 50, 51, 52 vào các ngày 23-6-2020, 26-6-2020 và 30-6-2020; đồng thời phát sóng trên Trung tâm truyền hình Việt Nam khu vực Nam Bộ (VTV9) trong 03 ngày liên tiếp, vào lúc 17 giờ 58 phút đến 18 giờ 00 phút từ ngày 25 đến ngày 27-6-2020. Tuy nhiên, hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên (tức ngày 23-6-2020), chị Út T1 vẫn không trở về và hiện nay vẫn không có tin tức xác thực là chị Út T1 còn sống hay đã chết.

[2] Khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định: *"Khi một người biệt tích 02 năm liền trở lên, mặc dù đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc người đó còn sống hay đã chết thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Toà án có thể tuyên bố người đó mất tích. Thời hạn 02 năm được tính từ ngày biết được tin tức cuối cùng về người đó; nếu không*

xác định được ngày có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của tháng tiếp theo tháng có tin tức cuối cùng; nếu không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng".

[3] Như vậy, tính từ ngày biết được tin tức cuối cùng về chị Út T1 (tức 01-10-2017) cho đến nay thì chị Út T1 đã biệt tích 02 năm liền trở lên, mặc dù đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc chị Út T1 còn sống hay đã chết. Vì vậy, theo yêu cầu của anh T1, căn cứ quy định nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh, tuyên bố chị Út T1 mất tích.

[4] Tại phiên họp, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T, tuyên bố chị Út T1 mất tích là đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Người yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự phải chịu lệ phí sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận đơn yêu cầu của họ, trừ trường hợp không phải chịu lệ phí Tòa án hoặc được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án theo quy định của Nghị quyết này"*. Như vậy, anh T là người yêu cầu giải quyết việc dân sự, anh không thuộc trường hợp không phải chịu lệ phí hoặc miễn nộp tiền lệ phí nên anh phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Trần Văn T. Tuyên bố chị Nguyễn Thị Út T1, sinh năm 1995, nơi cư trú cuối cùng tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng mất tích.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002382 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và như vậy anh đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10

ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Hoàng Lâm